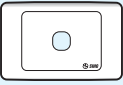
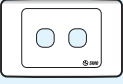
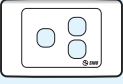
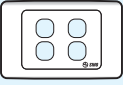
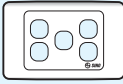
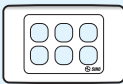
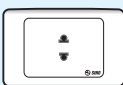
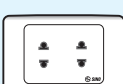
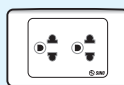
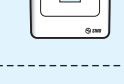
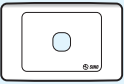
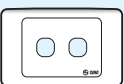
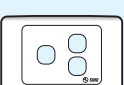
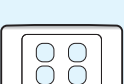
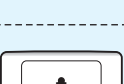


Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S9
S9 SERIES SWITCHES & SOCKETS

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S91/X Mặt 1 lỗ 1 Gang Plate	200	12.500
	S92/X Mặt 2 lỗ 2 Gang Plate	200	12.500
	S93/X Mặt 3 lỗ 3 Gang Plate	200	12.500
	S94/X Mặt 4 lỗ 4 Gang Plate	200	15.800
	S95/X Mặt 5 lỗ 5 Gang Plate	200	16.000
	S96/X Mặt 6 lỗ 6 Gang Plate	200	16.000
	S9U Ổ cắm đơn 2 chấu 16A 16A 2 pin single socket	100	29.500
	S9U2 2 Ổ cắm 2 chấu 16A 16A 2 pin double socket	100	44.600
	S9U3 3 Ổ cắm 2 chấu 16A 16A 2 pin triple socket	100	54.800
	S9UX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin single socket W/1 gang	100	36.200
	S9UXX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin single socket W/2 gang	100	36.200
	S9U2X 2 Ổ cắm 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin double socket W/1 gang	100	43.500
	S9U2XX 2 Ổ cắm 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin double socket W/2 gang	100	43.500
	S9UE Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 pin single socket	100	41.800

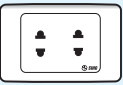
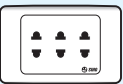
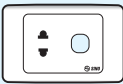
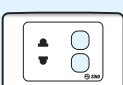
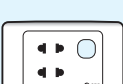
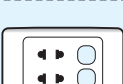
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S9UE2 2 Ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 pin double socket	100	57.000
	S9UEX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 pin single socket W/1 gang	100	44.500
	S9UEXX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 pin single socket W/2 gang	100	44.500
	S9121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M 1 Gang Plate For MCB - Single Type M	200	12.500
	S9122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M 2 Gang Plate For MCB - Double Type M	200	12.500

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S9 MỎNG
S9 SERIES SWITCHES & SOCKETS

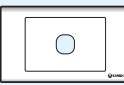
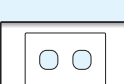
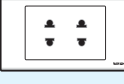
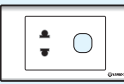
	S9M1/X Mặt 1 lỗ 1 Gang Plate	200	10.600
	S9M2/X Mặt 2 lỗ 2 Gang Plate	200	10.600
	S9M3/X Mặt 3 lỗ 3 Gang Plate	200	10.600
	S9M4/X Mặt 4 lỗ 4 Gang Plate	200	15.000
	S9M5/X Mặt 5 lỗ 5 Gang Plate	200	15.200
	S9M6/X Mặt 6 lỗ 6 Gang Plate	200	15.200
	S9MU Ổ cắm đơn 2 chấu 16A 16A 2 pin single socket	100	28.000

Sê-ri S9

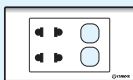
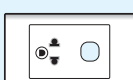
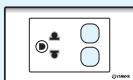
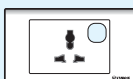
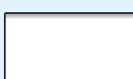
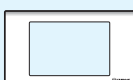
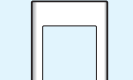
Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S9 MỎNG
S9 SERIES SWITCHES & SOCKETS
Sê-ri S9 - S18

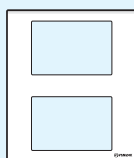
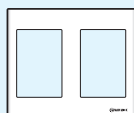
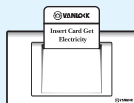
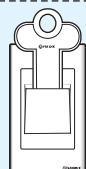
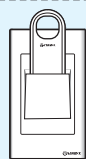
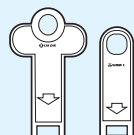
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S9MU2 2 Ổ cắm 2 chấu 16A 16A 2 pin double socket	100	42.500
	S9MU3 3 Ổ cắm 2 chấu 16A 16A 2 pin triple socket	100	52.200
	S9MUX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin single socket W/1 gang	100	34.500
	S9MUXX Ổ cắm đơn 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin single socket W/2 gang	100	34.500
	S9MU2X 2 Ổ cắm 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 pin double socket W/1 gang	100	41.500
	S9MU2XX 2 Ổ cắm 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 pin double socket W/2 gang	100	41.500
	S9MUE Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 pin single socket	100	39.800
	S9MUE2 2 Ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 pin double socket	100	54.200
	S9MUEx Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 pin single socket W/1 gang	100	42.500
	S9MUExX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 pin single socket W/2 gang	100	42.500

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S18
S18 SERIES SWITCHES & SOCKETS

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S181/X Mặt 1 lỗ 1 Gang Plate	250	12.500
	S182/X Mặt 2 lỗ 2 Gang Plate	250	12.500
	S183/X Mặt 3 lỗ 3 Gang Plate	250	12.500
	S184/X Mặt 4 lỗ 4 Gang Plate	250	15.800
	S185/X Mặt 5 lỗ 5 Gang Plate	250	16.000
	S186/X Mặt 6 lỗ 6 Gang Plate	250	16.000
	S18U Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Single Socket	100	29.500
	S18U2 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Double Socket	100	44.600
	S18UX Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang	100	36.200
	S18UXX Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	36.200
	S18U3 3 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Tripble Socket	100	54.800
	S18U2X 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin 2 Socket W/1 Gang	100	43.500

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S18
S18 SERIES SWITCHES & SOCKETS

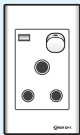
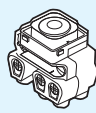
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18U2XX 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin 2 Socket W/2 Gangs	100	43.500
	S18UE Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 Pin Single Socket	100	41.800
	S18UE2 2 Ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 Pin Double Socket	100	57.000
	S18UEX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/1 Gang	100	44.500
	S18UEXX Ổ cắm 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	44.500
	S18UAMX Ổ cắm đa năng có màn che với 1 lỗ 3 Pin Universal Socket with Shutter W/1 Gang	100	44.500
	S18UAM Ổ cắm đa năng có màn che 3 Pin Universal Socket with Shutter	100	41.800
	S18UAM/V Ổ cắm đa năng có màn che loại dọc 3 Pin Universal Socket with Shutter - Vertical	100	41.800
	S180 Mặt che trơn Blank Plate	200	12.500
	S18WS Viền đơn trắng White Electric Single Standard Surround	300	6.800
	S18WS/V Viền đơn trắng loại dọc White Electric Single Standard Surround - Vertical	300	6.800

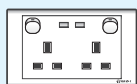
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18WD Viền đôi trắng White Electric Double Standard Surround	150	12.500
	S18WD/V Viền đôi trắng dọc White Electric Double Standard Surround - Vertical	150	12.500
	S18CS/...* Viền đơn màu Full Color Electric Single Standard Surround	300	9.800
	S18BPDM Nút chuông báo xin vệ sinh phòng và báo không quấy rầy Bell Push with Indiacator "Please Clean Up & Do Not Disturb"	100	214.000
	S18/501 Công tắc dùng thẻ từ 16A có thời gian chậm 16A Saving Switch with Time Delay	60	317.000
	SKT501 Thẻ từ 16A 16A Key Card	3000	24.200
	S18KT+SKTA Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo - Chìa khóa kiểu A 250V-20A Key Tag Switch with Neon - Type A	80	263.000
	S18KT+SKTB Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo - Chìa khóa kiểu B 250V-20A Key Tag Switch with Neon - Type B	80	263.000
	SKTA Chìa khóa bộ ngắt điện 20A kiểu A Key for S18KT - Type A	100	41.800
	SKTB Chìa khóa bộ ngắt điện 20A kiểu B Key for S18KT - Type B	100	33.000
	S18/10US Ổ Cắm 2 Chấu và 1 Ổ 3 Chấu Kiểu Úc 2 Pin & 3 Pin Australia Type Socket	100	66.500

(*) Mã cụ thể của viền màu xin tham khảo bảng 28

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S18
S18 SERIES SWITCHES & SOCKETS

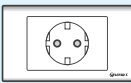
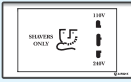
Sê-ri S18

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S1815N 100 74.200 Ổ cắm 15A, 3 chấu tròn kiểu Anh có đèn báo 15A 250V 3 Round Pin British Socket with Neon		
	S1815SN 100 74.200 Ổ cắm 15A, 3 chấu tròn kiểu Anh có công tắc và đèn báo 15A 250V 3 Round Pin British Socket with Switch and Neon		
	S18/31TO 100 34.500 Đầu ra dây cáp liền mặt Wire Outlet with Plate		
	S18/31TB 80 43.500 Đầu ra dây cáp với đầu nối 25A + mặt Care Outlet with 25A Connector + Plate		
	S18/301 60 95.200 Chiết áp đèn 500VA liền mặt 500VA/250V Dimmer Mechanism		
	S18/302 60 95.200 Chiết áp quạt 400VA liền mặt 400VA/250V Fan Control Mechanism		
	S18/303 60 124.000 Chiết áp đèn 1000VA liền mặt 1000VA/250V Dimmer Mechanism		
	WBL/V 40 42.500 Nút chuông chống thấm có đèn báo loại dọc Weatherproof Bell Push with Neon - Vertical		
	WBL 40 42.500 Nút chuông chống thấm có đèn báo Weatherproof Bell Push with Neon		
	S18/38TB 400 33.000 Đầu ra dây cáp với đầu nối 25A Cable Outlet with 25A Connector		

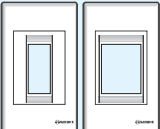
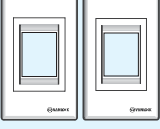
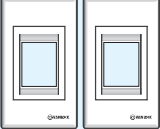
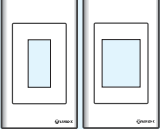
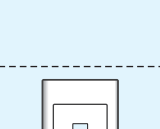
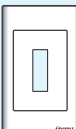
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18B/V 80 34.500 Nút chuông bản rộng loại dọc Big Panel Bell Push - Vertical		
	S18B 80 34.500 Nút chuông bản rộng Big Panel Bell Push		
	S18BNR/V 80 39.600 Nút chuông bản rộng có đèn báo đỏ loại dọc Big Panel Bell Push with Neon Red - Vertical		
	S18BNG/V 80 39.600 Nút chuông bản rộng có đèn báo xanh loại dọc Big Panel Bell Push with Neon Green - Vertical		
	S18BNR 80 39.600 Nút chuông bản rộng có đèn báo đỏ Big Panel Bell Push with Neon Red - Horizontal		
	S18BNG 80 39.600 Nút chuông bản rộng có đèn báo xanh Big Panel Bell Push with Neon Green - Horizontal		
	S1813N 100 77.500 Ổ cắm 13A, 3 chấu vuông kiểu Anh có đèn báo 13A 3 Flat Pin British Flush Socket with Neon		
	S1813S 100 77.500 Ổ cắm 13A, 3 chấu vuông kiểu Anh có công tắc 13A 3 Flat Pin British Flush Socket with Switch		
	S1813SN 100 77.500 Ổ cắm 13A, 3 chấu vuông kiểu Anh có công tắc và đèn báo 13A 3 Flat Pin British Flush Socket with Switch and Neon		
	S1825SN 50 191.000 Ổ cắm đôi 13A, 3 chấu vuông kiểu Anh có công tắc và đèn báo 13A Twin 3 Flat Pin British Flush Socket with Switch and Neon		
	S18HD416 100 91.200 Ổ cắm 4 dây 3 pha 16A kiểu Mỹ 16A - 4 Pin American Socket		
	S18HD425 60 112.000 Ổ cắm 4 dây 3 pha 25A kiểu Mỹ 25A-4 Pin American Socket		

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 6188-1:2007; BS 5733:1995; IEC 60884-1:2002; BS 1363-2:1995; IEC 60669-2-1:2009

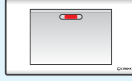
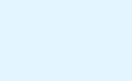
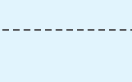
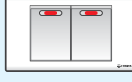
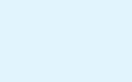
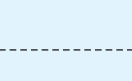
Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S18
S18 SERIES SWITCHES & SOCKETS

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18/16 Ổ cắm “schuko” 16A tiếp đất 16A Pin & Earth “Schuko” Socket	80	50.200
	S18/2727V Ổ cắm dao cạo râu 110/240V-20VA loại dọc 110/240V-20VA Shaver Sockets - Vertical	30	632.000
	S18/2727 Ổ cắm dao cạo râu 110/240V-20VA 110/240V-20VA Shaver Sockets	30	632.000

MẶT ÁT CHỨA MCB
BLANK PLATE FOR MCB

	ST121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M 1 Gang Plate For MCB - Single Type M	300	12.500
	ST122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M 1 Gang Plate For MCB - Double Type M	300	12.500
	ST121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 Gang Plate For MCCB - Single Type A	160	12.500
	ST121/HB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B 1 Gang Plate For MCCB - Single Type B	160	12.500
	S18121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 Gang Plate For MCCB - Single Type A	200	12.500
	S18121/HB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B 1 Gang Plate For MCCB - Single Type B	200	12.500
	S18121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M 1 Gang Plate For MCB - Single Type M	250	12.500
	S18122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M 1 Gang Plate For MCB - Double Type M	250	12.500
	S18121/AB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A VÀ B 1 Gang Plate For MCCB - Single Type A & B	200	12.500

CÔNG TẮC PHÍM LỚN SÊ-RI S18 MEGA
S18 MEGA SERIES SWITCHES

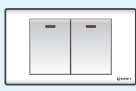
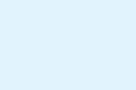
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S181D1 (S181D1/DL) Công tắc đơn 1 chiều phím lớn 10A/250V 1 Gang 1 way Switch Big Panel	100	19.000
	S181N1R (S181N1R/DL) Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A/250V 1 Gang 1 way Switch with Red Neon Big Panel	100	26.800
	S181D2 (S181D2/DL) Công tắc đơn 2 chiều phím lớn 10A/250V 1 Gang 2 way Switch Big Panel	100	24.800
	S181N2R (S181N2R/DL) Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A/250V 1 Gang 2 way Switch with Red Neon Big Panel	100	32.600
	S182D1 (S182D1/DL) Công tắc đôi 1 chiều phím lớn 10A/250V 2 Gang 1 way Switch	100	23.800
	S182N1R (S182N1R/DL) Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A/250V 2 Gang 1 way Switch with Red Neon Big Panel	100	39.500
	S182D2 (S182D2/DL) Công tắc đôi 2 chiều phím lớn 10A/250V 2 Gang 2 way Switch Big Panel	100	31.500
	S182N2R (S182N2R/DL) Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A/250V 2 Gang 2 way Switch with Red Neon Big Panel	100	46.800
	S183D1 (S183D1/DL) Công tắc ba 1 chiều phím lớn 10A/250V 3 Gang 1 way Switch Big Panel	100	34.000

* Mã trong ngoặc (...) Là loại **S18 Duluxe** khi đặt hàng loại công tắc phím lớn Series S18-Duluxe sẽ dùng mã trong ngoặc và thêm chữ **Duluxe** ở tên hàng.

* Nếu muốn đặt hàng công tắc phím lớn có **đèn báo xanh** thì khi đặt hàng thay chữ “R” bằng chữ “G” trong mã hàng và tên hàng thay chữ “đèn báo đỏ” bằng chữ “đèn báo xanh”

CÔNG TẮC PHÍM LỚN SÊ-RI S18 MEGA
S18 MEGA SERIES SWITCHES

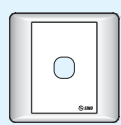
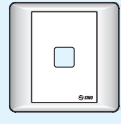
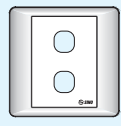
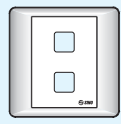
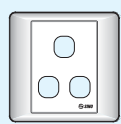
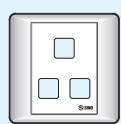
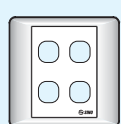
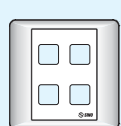
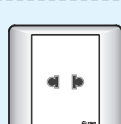
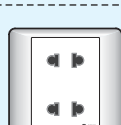
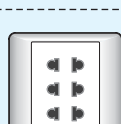
Sê-ri S18 - S98

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S183N1R (S183N1R/DL) 100 57.500 Công tắc ba 1 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A/250V 3 Gang 1 way Switch with Red Neon Big Panel		
	S183D2 (S183D2/DL) 100 47.800 Công tắc ba 2 chiều phím lớn 10A/250V 3 Gang 2 way Switch		
	S183N2R (S183N2R/DL) 100 67.200 Công tắc ba 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A/250V 3 Gang 2 way Switch with Red Neon Big Panel		
   	S182D1/D2 (S182D1/D2/DL) 100 27.500 1 công tắc 1 chiều với 1 công tắc 2 chiều phím lớn 10A/250V 1 Gang 1 Way Switch with 1 Gang 2 Way Switch Big Panel		
	S183D1/2D2 (S183D1/2D2/DL) 100 43.200 1 công tắc 1 chiều với 2 công tắc 2 chiều phím lớn 10A/250V 1 Gang 1 Way Switch with 2 Gang 2 Way Switch Big Panel		
	S182N1/N2R (S182N1/N2R/DL) 100 43.200 1 công tắc 1 chiều với 1 công tắc 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A/250V 1 Gang 1 Way Switch with 1 Gang 2 Way W/Red Big Panel		
	S183/2D1/D2 (S183/2D1/D2/DL) 100 38.800 2 công tắc 1 chiều với 1 công tắc 2 chiều phím lớn 10A/250V 2 Gang 1 Way Switch with 1 Gang 2 Way Switch Big Panel		
	S183N1/2N2R (S183N1/2N2R/DL) 100 63.800 1 công tắc 1 chiều với 2 công tắc 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A/250V 1 Gang 1 Way Switch with 2 Gang 2 Way W/Red Big Panel		
	S183/2N1/N2R (S183/2N1/N2R/DL) 100 60.800 2 công tắc 1 chiều với 1 công tắc 2 chiều phím lớn có đèn báo đỏ 10A/250V 2 Gang 1 Way Switch with 1 Gang 2 Way W/Red Big Panel		

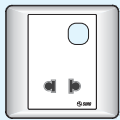
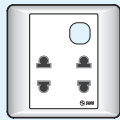
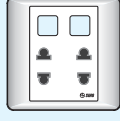
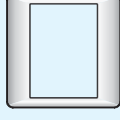
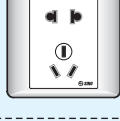
* Mã trong ngoặc (...) Là loại **S18 Deluxe** khi đặt hàng loại công tắc phím lớn Series S18-Deluxe sẽ dùng mã trong ngoặc và thêm chữ **Duluxe** ở tên hàng.

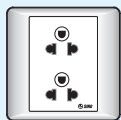
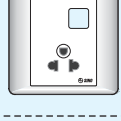
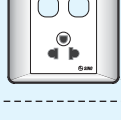
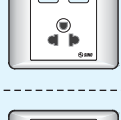
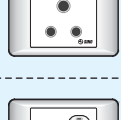
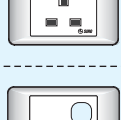
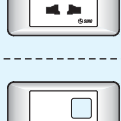
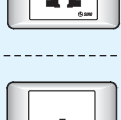
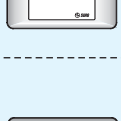
* Nếu muốn đặt hàng công tắc phím lớn có **đèn báo xanh** thì khi đặt hàng thay chữ "**R**" bằng chữ "**G**" trong mã hàng và tên hàng thay chữ "**đèn báo đỏ**" bằng chữ "**đèn báo xanh**"

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S98 - S986
S98 - S986 SERIES SWITCHES & SOCKETS

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S981/X Mặt 1 lỗ 1 Gang Plate 160 12.500		
	S9861/X Mặt 1 lỗ 1 Gang Plate 160 12.500		
	S982/X Mặt 2 lỗ 2 Gang Plate 160 12.500		
	S9862/X Mặt 2 lỗ 2 Gang Plate 160 12.500		
	S983/X Mặt 3 lỗ 3 Gang Plate 160 12.500		
	S9863/X Mặt 3 lỗ 3 Gang Plate 160 12.500		
	S984/X Mặt 4 lỗ 4 Gang Plate 160 15.800		
	S9864/X Mặt 4 lỗ 4 Gang Plate 160 15.800		
	S98U Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Single Socket 100 29.500		
	S98U2 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Double Socket 100 44.600		
	S98U3 3 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Triple Socket 100 54.800		

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S98 - S986
S98 - S986 SERIES SWITCHES & SOCKETS

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S98UX 100 Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang		36.200
	S986UX 100 Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang		36.200
	S98UXX 100 Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/2 Gangs		36.200
	S986UXX 100 Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/2 Gangs		36.200
	S98U2X 100 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Double Socket W/1 Gangs		51.300
	S98U2XX 100 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Double Socket W/2 Gangs		51.300
	S986U2X 100 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Double Socket W/1 Gangs		51.300
	S986U2XX 100 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Double Socket W/2 Gangs		51.300
	S98WS 100 Viên đơn trắng White Electric Single		6.800
	S98/10US 100 Ổ Cắm 2 Chấu và 1 ổ 3 chấu kiểu úc 2 Pin & 3 Pin Australia Type Socket		66.500
	S98UE 100 Ổ Cắm đơn 3 Chấu 16A 16A 3 Pin Single Socket		41.800

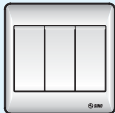
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S98UE2 100 2 Ổ Cắm 3 Chấu 16A 16A 3 Pin Double Socket		57.000
	S98UEX 100 Ổ cắm đơn 3 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/1 Gang		44.500
	S986UEX 100 Ổ cắm đơn 3 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/1 Gang		44.500
	S98UEXX 100 Ổ cắm đơn 3 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/2 Gangs		44.500
	S986UEXX 100 Ổ cắm đơn 3 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/2 Gangs		44.500
	S9815S 100 Ổ cắm 15A, 3 chấu tròn kiểu Anh có công tắc 15A 250V, 3 Round Pin British Flush Socket with Switch		74.200
	S9813S 100 Ổ cắm 13A, 3 chấu vuông kiểu Anh có công tắc 13A 250V, 3 Flat Pin British Flush Socket with Switch		77.500
	S98UAMX 100 Ổ cắm đa năng có màn che với 1 lỗ 3 Pin Universal Socket with Shutter W/1 Gang		44.500
	S986UAMX 100 Ổ cắm đa năng có màn che với 1 lỗ 3 Pin Universal Socket with Shutter W/1 Gang		44.500
	S98UAM 100 Ổ cắm đa năng có màn che 3 Pin Universal Socket with Shutter		41.800
	S981D1 80 Công tắc đơn 1 Chiều phím lớn 1 Gang 1 Way - Mega Switch		26.000
	S981D2 80 Công tắc đơn 2 Chiều phím lớn 1 Gang 2 Way - Mega Switch		40.000

Sê-ri S98

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard:

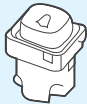
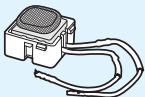
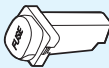
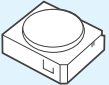
TCVN 6188-1:2007; IEC 60884-1:2002; BS 5733:1995; IEC 60669-1:2007; IEC 60335-1:2001; BS 3676-1:1996

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S98
S98 SERIES SWITCHES & SOKETS
Sê-ri S98 & PK S18 - S98

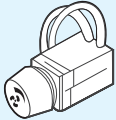
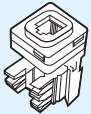
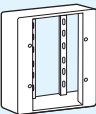
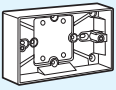
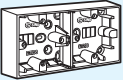
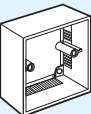
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S982D1 Công tắc đôi 1 Chiều phím lớn 2 Gang 1 Way - Mega Switch	80	37.200
	S982D2 Công tắc đôi 2 Chiều phím lớn 2 Gang 2 Way - Mega Switch	80	66.600
	S983D1 Công tắc ba 1 Chiều phím lớn 3 Gang 1 Way - Mega Switch	80	50.200
	S983D2 Công tắc ba 2 Chiều phím lớn 3 Gang 2 Way - Mega Switch	80	79.200
	S981N1R Công tắc đơn 1 Chiều phím lớn có đèn báo đỏ 1 Gang 1 Way - Mega Switch with Neon Red	80	37.000
	S982N1R Công tắc đôi 1 Chiều phím lớn có đèn báo đỏ 2 Gang 1 Way - Mega Switch with Neon Red	80	52.500
	S983N1R Công tắc ba 1 Chiều phím lớn có đèn báo đỏ 3 Gang 1 Way - Mega Switch with Neon Red	80	70.200
	S981N2R Công tắc đơn 2 Chiều phím lớn có đèn báo đỏ 1 Gang 2 Way - Mega Switch with Neon Red	80	52.600
	S982N2R Công tắc đôi 2 Chiều phím lớn có đèn báo đỏ 2 Gang 2 Way - Mega Switch with Neon Red	80	93.800
	S983N2R Công tắc ba 2 Chiều phím lớn có đèn báo đỏ 3 Gang 2 Way - Mega Switch with Neon Red	80	115.000
	S98/X1R Công tắc tự động cảm ứng tia hồng ngoại Infrared Faradaic Automatic Switch	80	308.000

* Nếu muốn đặt hàng công tắc phím lớn có đèn báo xanh thì khi đặt hàng thay chữ "R" bằng chữ "G" trong mã hàng và tên hàng thay chữ "đèn báo đỏ" bằng chữ "đèn báo xanh"

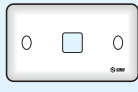
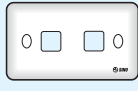
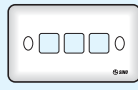
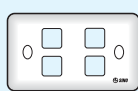
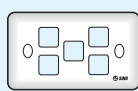
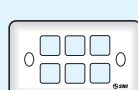
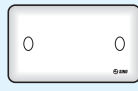
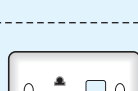
PHỤ KIỆN DÙNG CHUNG CHO SÊ-RI S18 - S98
ACCESSORIES FOR S18 - S98 SERIES

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S30/1/2M Công tắc 1 Chiều 1 Way Switch	1200	10.200
	S30M Công tắc 2 Chiều 2 Way Switch	1000	17.800
	S30MD20 Công tắc 2 cực 20A 20A Double Pole Switch	500	65.500
	S30MBP2 Nút nhấn chuông 3A 3A Bell Push Switch	1000	24.800
	S30MBPN Nút nhấn chuông 3A có đèn báo đỏ 3A Bell Push Switch with Neon (Red)	1000	30.800
	S30NRD Đèn báo đỏ Neon Indicator (Red)	1200	16.500
	S30NGN Đèn báo xanh Neon Indicator (Green)	1200	16.500
	S30NRD/W Đèn báo đỏ có dây đấu sẵn Neon Indicator (Red) - C/w Wiring	1000	13.800
	S30NGN/W Đèn báo xanh có dây đấu sẵn Neon Indicator (Green) - C/w Wiring	1000	13.800
	S30TV75MS Ổ cắm Anten Tivi Television Terminal	1000	40.200
	SSTD Hạt cầu chì ống 10A 10A Fused connection Units	500	30.200
	FTD Ống cầu chì 250V - 5A, 10A, 15A 5A, 10A, 15A - 250V Fuse Links	100	9.200
	SX Nút che trơn Mounded Removable Plug	4000	4.000
	S30MI Công tắc trung gian đa chiều 10A Intermediate Switch	500	129.000

PHỤ KIỆN DÙNG CHUNG CHO S18 - S98 SÊ-RI
ACCESSORIES FOR S18 - S98 SERIES

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S400VX Hạt chiết áp quạt 400VA 400VA Fan Control Mechanism	300	102.000
	S500VX Hạt chiết áp đèn 500VA 500VA Dimmer Mechanism	300	102.000
	S1000VX Hạt chiết áp đèn 1000VA 1000VA Dimmer Mechanism	300	122.000
	S30RJ40 Ổ cắm điện thoại 4 dây 4 wire Telephone Socket	500	49.600
	S30RJ64 Ổ cắm điện thoại 6 dây 6 Wire Telephone Socket	500	52.000
	S30RJ88 Ổ cắm máy tính 8 dây 8 Wire Computer Socket	500	65.600
	S30RJ40/W Ổ cắm điện thoại 4 dây có dây đấu sẵn 4 Wire Telephone Socket - C/w Wiring	500	41.000
	CK157/D Đế nổi nhựa loại đôi dùng cho kiểu S9; S18; S186 Surface - Double Box For S9; S18; S186	100	18.500
	CK157 Đế nổi nhựa dùng cho kiểu S9 Surface Box For S9	115	6.000
	CK157RL Đế nổi nhựa chữ nhật thấp S18; S186 Surface Box For S18; S186	100	5.500
	CK157RH Đế nổi nhựa chữ nhật cao S18; S186 Surface Box For S18; S186	100	6.000
	ET238 Đế nổi nhựa dùng cho S1825SN, S18/2727 Surface Box For S1825SN, S18/2727	100	41.800
	S238/D Đế nổi nhựa loại đôi dùng cho S98 Surface - Double Box For S98	60	20.800
	S238 Đế nổi nhựa tự chống cháy loại vuông dùng cho kiểu S98 Fire Resistant Surface Box for S98	148	6.800

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S19
S19 SERIES SWITCHES & SOCKETS

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S191 (S191V) Mặt 1 lỗ 1 Gang Plate	300	12.800
	S192 (S192V) Mặt 2 lỗ 2 Gang Plate	300	12.800
	S193 (S193V) Mặt 3 lỗ 3 Gang Plate	300	12.800
	S194 (S194V) Mặt 4 lỗ 4 Gang Plate	300	21.200
	S195 (S195V) Mặt 5 lỗ 5 Gang Plate	300	21.200
	S196 (S196V) Mặt 6 lỗ 6 Gang Plate	300	21.200
	S190 (S190V) Mặt Che Trơn Blank Plate	300	17.000
	S1981 (S1981V) Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Single Socket	100	29.500
	S1982 (S1982V) 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Double Socket	100	49.500
	S1983 (S1983V) 3 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Triple Socket	100	66.000
	S198/10US Ổ Cắm 2 Chấu và 1 Ổ 3 Chấu Kiểu Úc 2 Pin & 3 Pin Australia Type Socket	100	78.200
	S198X (S198XV) Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang	100	45.800

Mã số ngoài ngoặc đơn () được hiểu là mã số của mặt và ổ cắm loại nằm ngang. Mã số trong ngoặc đơn () có thêm chữ V ở cuối là mã số của mặt ổ cắm loại lắp dọc - Có thể đặt hàng

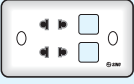
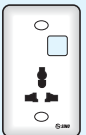
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard:

IEC 60669-2-1:2009; BS 6312-2-2:1997; IEC 60603-7-1:2009; ISO/IEC 11801:2002; BS 5733:1995; TCVN 6188-1:2007; IEC 60884-1:2002

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S19

S19 SERIES SWITCHES & SOCKETS

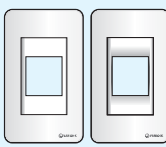
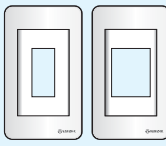
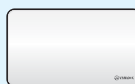
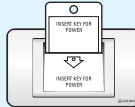
Sê-ri S19 - S18A

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S198XX (S198XXV) Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	45.800
	S1982X (S1982XV) 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin 2 Socket W/1 Gang	100	57.500
	S1982XX (S1982XXV) 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin 2 Socket W/2 Gangs	100	57.500
	S198AM Ổ cắm đa năng có màn che 3 Pin Universal Socket with Shutter	100	52.200
	S198AMV Ổ cắm đa năng có màn che loại dọc 3 Pin Universal Socket with Shutter - Vertical	100	52.200
	S198AM/X Ổ cắm đa năng có màn che với 1 lỗ 3 Pin Universal Socket with Shutter W/1 Gang	100	60.000
	S198AM/XV Ổ cắm đa năng có màn che với 1 lỗ loại dọc 3 Pin Universal Socket with Shutter W/1 Gang - Vertical	100	60.000
	S1981E (S1981EV) Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 Pin Single Socket	100	52.200
	S1982E (S1982EV) 2 Ổ Cắm 3 chấu 16A 16A 3 Pin Double Socket	100	70.200
	S198EX (S198EXV) Ổ Cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/1 Gang	100	60.000
	S198EXX (S198EXXV) Ổ Cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	75.800
	S19CAP Nút đậy lỗ vít Screw Caps	100	520

Mã số ngoài ngoặc đơn () được hiểu là mã số của mặt và ổ cắm loại nằm ngang. Mã số trong ngoặc đơn () có thêm chữ V ở cuối là mã số của mặt ổ cắm loại lắp dọc - Có thể đặt hàng

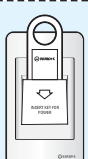
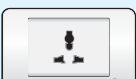
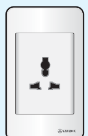
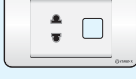
Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S18A

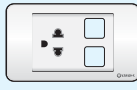
S18A SERIES SWITCHES & SOCKETS

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18A1X Mặt 1 lỗ 1 Gang Plate	200	13.500
	S18A2X Mặt 2 lỗ 2 Gang Plate	200	13.500
	S18A3X Mặt 3 lỗ 3 Gang Plate	200	13.500
	S18A4X Mặt 4 lỗ 4 Gang Plate	200	18.200
	S18A5X Mặt 5 lỗ 5 Gang Plate	200	18.500
	S18A6X Mặt 6 lỗ 6 Gang Plate	200	18.500
	S18AXL/V Viên đơn trắng loại dọc White Electric Single Standard surround - Vertical	300	8.200
	S18AXL Viên đơn trắng White Electric Single Standard surround - Horizontal	300	8.200
	S18A121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 Gang Plate for MCCB - Single Type A	160	13.500
	S18A121/HB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B 1 Gang Plate for MCCB - Single Type B	160	13.500
	S18A121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M 1 Gang Plate for MCB - Single Type M	200	13.500
	S18A122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M 1 Gang Plate for MCB - Double Type M	200	13.500
	S18A0 Mặt Che Trơn Blank Plate	200	15.000
	S18A/501 Công tắc dùng thẻ từ 16A có Thời gian chậm 16A Saving Switch with Time Delay	60	380.500
	S18AKT + SKTA Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo chìa khóa kiểu A 250V - 20A Key Tag Switch with Neon type A	80	315.600

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 6188-1:2007; IEC 60884-1:2002; BS 5733:1995; TCVN 6480-1:2008; IEC 60669-1:2007

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S18A
S18A SERIES SWITCHES & SOCKETS

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18AKT + SKTB Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có Đèn báo chìa khóa kiểu B 250V - 20A Key Tag Switch with Neon type B	80	315.600
	S18AUAM Ổ cắm đa năng có màn che 3 Pin Universal Socket with Shutter	100	50.200
	S18AUAM/V Ổ cắm đa năng có màn che dọc 3 Pin Universal Socket with Shutter - Vertical	100	50.200
	S18AUAMX Ổ cắm đa năng có màn che với 1 lỗ 3 Pin Universal Socket with Shutter w/1 Gang	100	53.500
	S18AU Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Single Socket	100	35.500
	S18AU2 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Double Socket	100	53.500
	S18AU3 3 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Triple Socket	100	65.800
	S18AU/10US Ổ Cắm 2 Chấu và 1 Ổ 3 Chấu Kiểu Úc 2 Pin & 3 Pin Australia Type Socket	100	79.800
	S18AU/X Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang	100	43.500
	S18AU/XX Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	43.500
	S18AU2/X 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin 2 Socket W/1 Gang	100	52.200
	S18AU2/XX 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin 2 Socket W/2 Gangs	100	52.200
	S18AUE Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 Pin Single Socket	100	50.200
	S18AUE2 2 Ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 Pin Double Socket	100	68.500

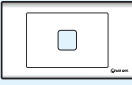
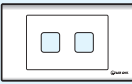
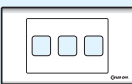
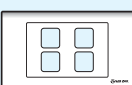
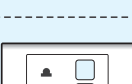
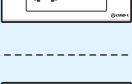
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18AUE/X Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/1 Gang	100	53.500
	S18AUE/XX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	53.500

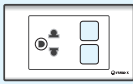
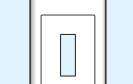
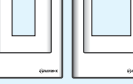
Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S18AS
S18AS SERIES SWITCHES & SOCKETS

	S18AS1X Mặt 1 lỗ 1 Gang Plate	200	13.500
	S18AS2X Mặt 2 lỗ 2 Gang Plate	200	13.500
	S18AS3X Mặt 3 lỗ 3 Gang Plate	200	13.500
	S18AS4X Mặt 4 lỗ 4 Gang Plate	200	18.200
	S18AS5X Mặt 5 lỗ 5 Gang Plate	200	18.500
	S18AS6X Mặt 6 lỗ 6 Gang Plate	200	18.500
	S18ASUAMX Ổ cắm đa năng có màn che với 1 lỗ 3 Pin Universal Socket with Shutter w/1 Gang	100	53.500
	S18ASU/X Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang	100	43.500
	S18ASU/XX Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	43.500
	S18ASU2/X 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin 2 Socket W/1 Gang	100	52.200
	S18ASU2/XX 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin 2 Socket W/2 Gangs	100	52.200
	S18ASUE/X Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/1 Gang	100	53.500
	S18ASUE/XX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	53.500

Sê-ri S18A - S18AS

Ổ CẮM CÔNG TẮC SÊ-RI S186
S186 SERIES SWITCHES & SOCKETS
Sê-ri S186

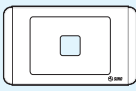
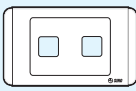
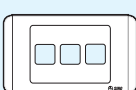
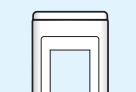
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S1861X Mặt 1 lỗ 1 Gang Plate	250	12.500
	S1862X Mặt 2 lỗ 2 Gang Plate	250	12.500
	S1863X Mặt 3 lỗ 3 Gang Plate	250	12.500
	S1864X Mặt 4 lỗ 4 Gang Plate	250	15.800
	S1865X Mặt 5 lỗ 5 Gang Plate	250	16.000
	S1866X Mặt 6 lỗ 6 Gang Plate	250	16.000
	S18U Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Single Socket	100	29.500
	S18U2 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Double Socket	100	44.600
	S186UX Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang	100	36.200
	S186UXX Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	36.200
	S18U3 3 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Triple Socket	100	54.800
	S186U2X 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin 2 Socket W/1 Gang	100	43.500
	S186U2XX 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin 2 Socket W/2 Gangs	100	43.500
	S18UE Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 Pin Single Socket	100	41.800

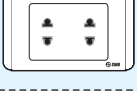
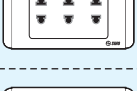
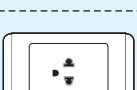
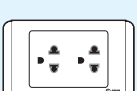
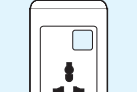
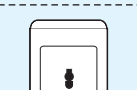
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S18UE2 2 Ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 Pin Double Socket	100	57.000
	S186UEX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/1 Gang	100	44.500
	S186UEXX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	44.500
	S180 Mặt Che Trơn Blank Plate	200	12.500
	S18WS Viên đơn trắng White Electric Single	300	6.800
	S18WD Viên đôi trắng White Electric Double	150	12.500
	S18121/AB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A và B Blank Plate for MCCB - Single Type A & B	200	12.500
	S18121/HB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B 1 Gang Plate for MCCB - Single Type B	200	12.500
	S18121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A 1 Gang Plate for MCCB - Single Type A	200	12.500
	S18121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M 1 Gang Plate for MCB - Single Type M	250	12.500
	S18122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M 1 Gang Plate for MCB - Double Type M	250	12.500
	S186/1/2M Công tắc 1 chiều 1 Way Switch	1.200	9.500
	S186M Công tắc 2 chiều 2 Way Switch	1.000	16.800

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard:

TCVN 6188-1:2007; IEC 60884-1:2002; IEC 60335-1:2002; BS 5733:1995; TCVN 6480-1:2008; IEC 60669-1:2007

MẶT VÀ Ổ CẮM SÊ-RI S68
S68 SERIES GRID PLATE & SOCKET

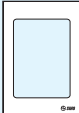
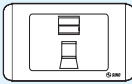
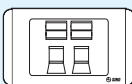
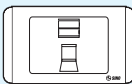
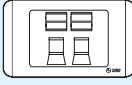
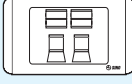
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S681X Mặt 1 lỗ 1 Gang Plate	200	16.800
	S682X Mặt 2 lỗ 2 Gang Plate	200	16.800
	S683X Mặt 3 lỗ 3 Gang Plate	200	16.800
	S684X Mặt 4 lỗ 4 Gang Plate	200	28.200
	S685X Mặt 5 lỗ 5 Gang Plate	200	28.200
	S686X Mặt 6 lỗ 6 Gang Plate	200	28.200
	S680 Mặt Che Trơn Blank Plate	200	22.000
	S68121/HA Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu A S68 1 Gang Plate for MCCB - Single Type A S68	200	22.000
	S68121/HB Mặt nhựa chứa 1 MCCB kiểu B S68 1 Gang Plate for MCCB - Single Type B S68	200	22.000
	S68121/M Mặt nhựa chứa 1 MCB kiểu M S68 1 Gang Plate for MCB - Single Type M S68	200	22.000
	S68122/M Mặt nhựa chứa 2 MCB kiểu M S68 1 Gang Plate for MCB - Double Type M S68	200	22.000
	S68U Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Single Socket	100	39.600

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S68U2 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Double Socket	100	66.000
	S68U3 3 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Triple Socket	100	88.000
	S68U/X Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang	100	61.200
	S68U/XX Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	61.200
	S68U2/X 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Double Socket W/1 Gang	100	77.200
	S68U2/XX 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Double Socket W/2 Gangs	100	77.200
	S68UE Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 Pin Single Socket	100	69.600
	S68UE2 2 Ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 Pin Double Socket	100	93.600
	S68UAM/X Ổ cắm đa năng có màn che với 1 lỗ 3 Pin Universal Socket with Shutter W/1 Gang	100	80.500
	S68UAM/XV Ổ cắm đa năng có màn che với 1 lỗ loại dọc 3 Pin Universal Socket with Shutter W/1 Gang - Vertical	100	80.500
	S68UAM Ổ cắm đa năng có màn che 3 Pin Universal Socket with Shutter	100	69.600
	S68UAM/V Ổ cắm đa năng có màn che loại dọc 3 Pin Universal Socket with Shutter - Vertical	100	69.600
	S68UE/X Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/1 Gang	100	80.500
	S68UE/XX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	92.500

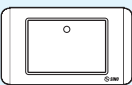
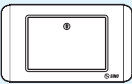
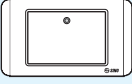
Sê-ri S68

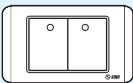
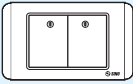
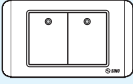
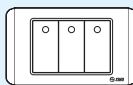
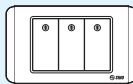
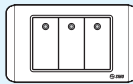
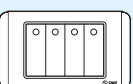
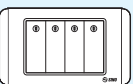
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: BS 5733:1995; TCVN 6188-1:2007; IEC 60884-1:2002; IEC 60335-1:2002

MẶT VÀ Ổ CẮM SÊ-RI S68
S68 SERIES GRID PLATE & SOCKET
Sê-ri S68 - S68D

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S68XL Viên đơn Electric Single	100	7.600
	S68XL/V Viên đơn loại dọc Electric Single Vertical	100	7.600
	S6831RJ Ổ cắm điện thoại 4 dây có nắp che loại đơn 1 Gang Telephone outlet with Shutter	100	59.000
	S6832RJ Ổ cắm điện thoại 4 dây có nắp che loại đôi 2 Gang Telephone outlet with Shutter	100	90.500
	S6831RJ5E Ổ cắm máy tính 8 dây có nắp che loại đơn 1 Gang Data outlet with Shutter	100	80.800
	S6832RJ5E Ổ cắm máy tính 8 dây có nắp che loại đôi 2 Gang Data outlet with Shutter	100	128.000
	S6832RJ/RJ5E 1 ổ cắm điện thoại 4 dây và 1 ổ cắm máy tính 8 dây có nắp che loại đôi 2 Gang telephone outlet and data outlet with Shutter	100	128.000

CÔNG TẮC PHÍM LỚN SÊ-RI S68D - S68 MEGA
S68D - S68 MEGA SERIES SWITCHES

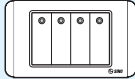
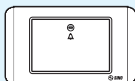
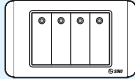
	S68D1A Công tắc đơn 1 chiều phím lớn 1 Gang 1 Way Switch	100	28.800
	S68D1 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có dạ quang 1 Gang 1 Way Switch With Fluorescent	100	49.200
	S68DN1 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 1 Gang 1 Way Switch With Led	100	59.000
	S68DM1A Công tắc đơn 2 chiều phím lớn 1 Gang 2 Way Switch	100	32.000
	S68DM1 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có dạ quang 1 Gang 2 Way Switch With Fluorescent	100	55.000
	S68DMN1 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 1 Gang 2 Way Switch With Led	100	66.000

	S68D2A Công tắc đôi 1 chiều phím lớn 2 Gang 1 Way Switch	100	43.800
	S68D2 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có dạ quang 2 Gang 1 Way Switch With Fluorescent	100	75.000
	S68DN2 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 2 Gang 1 Way Switch With Led	100	90.500
	S68DM2A Công tắc đôi 2 chiều phím lớn 2 Gang 2 Way Switch	100	45.500
	S68DM2 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có dạ quang 2 Gang 2 Way Switch With Fluorescent	100	78.200
	S68DMN2 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 2 Gang 2 Way Switch With Led	100	93.600
	S68D3A Công tắc ba 1 chiều phím lớn 3 Gang 1 Way Switch	100	53.200
	S68D3 Công tắc ba 1 chiều phím lớn có dạ quang 3 Gang 1 Way Switch With Fluorescent	100	91.200
	S68DN3 Công tắc ba 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 3 Gang 1 Way Switch With Led	100	109.000
	S68DM3A Công tắc ba 2 chiều phím lớn 3 Gang 2 Way Switch	100	56.800
	S68DM3 Công tắc ba 2 chiều phím lớn có dạ quang 3 Gang 2 Way Switch With Fluorescent	100	97.600
	S68DMN3 Công tắc ba 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 3 Gang 2 Way Switch With Led	100	118.000
	S68D4A Công tắc bốn 1 chiều phím lớn 4 Gang 1 Way Switch	100	74.200
	S68D4 Công tắc bốn 1 chiều phím lớn có dạ quang 4 Gang 1 Way Switch With Fluorescent	100	127.000
	S68DN4 Công tắc bốn 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 4 Gang 1 Way Switch With Led	100	153.000

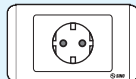
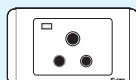
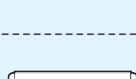
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard:

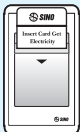
BS 5733:1995; TCVN 6480-1:2008; IEC 60669-1:2007; BS 6312-2-2:1997; IEC 60603-7-1:2009; ISO/IEC 11801:2002

CÔNG TẮC PHÍM LỚN SÊ-RI S68D - S68 MEGA
S68D - S68 MEGA SERIES SWITCHES

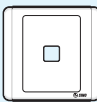
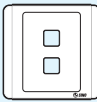
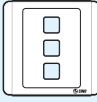
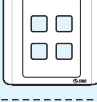
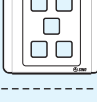
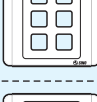
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S68DM4A	100	77.500
	Công tắc bốn 2 chiều phím lớn 4 Gang 2 Way Switch		
	S68DM4	100	133.000
	Công tắc bốn 2 chiều phím lớn có dạ quang 4 Gang 2 Way Switch With Fluorescent		
	S68DMN4	100	159.000
	Công tắc bốn 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 4 Gang 2 Way Switch With Led		
	S68DBP	100	60.500
	Nút chuông lớn có dạ quang Big Panel Bell Push with Switch Fluorescent		

MẶT VÀ Ổ CẮM SÊ-RI S68 EURO
S68 EURO SERIES GRID PLATE & SOCKET

	S68/16 80 81.600 Ổ cắm "SCHUKO" 16A tiếp đất 16A Pin & Earth "Schuko" Socket
	S68U/10US 100 108.000 Ổ cắm 2 chấu và 1 ổ 3 chấu kiểu Úc 2 Pin & 3 Pin Australia Type Socket
	S6815N 100 120.000 Công tắc 15A, 3 chấu tròn kiểu Anh có đèn báo 15A 3 Round Pin British Flush Socket with Neon
	S6815SN 100 131.000 Công tắc 15A, 3 chấu tròn kiểu Anh có công tắc và đèn báo 15A 3 Round Pin British Flush Socket with Switch and Neon
	S6813N 100 127.000 Ổ cắm 13A, 3 chấu vuông kiểu Anh có đèn báo 13A 3 Flat Pin British Flush Socket with Neon
	S6813SN 100 138.000 Ổ cắm 13A, 3 chấu vuông kiểu Anh có công tắc và đèn báo 13A 3 Flat Pin British Flush Socket with Switch and Neon
	S6825S 60 310.000 Ổ cắm đôi 13A, 3 chấu vuông kiểu Anh có công tắc 13A Twin 3 Flat Pin British Flush Socket with Switch
	S68/2727 30 1.025.000 Ổ cắm dao cạo râu 110/240V-20VA 110/240V-20VA Shaver Sockets

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S68/501 Công tắc dùng thẻ từ 16A có thời gian chậm 16A Saving Switch with Time Delay	60	515.000
	S68KT+SKTA Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo - chìa khóa kiểu A 20A Key Tag Switch with Neon - Type A	80	273.000
	S68KT+SKTB Bộ chìa khóa ngắt điện 20A có đèn báo - chìa khóa kiểu B 20A Key Tag Switch with Neon - Type B	80	273.000

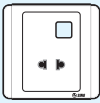
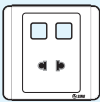
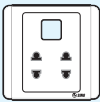
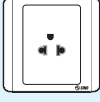
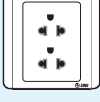
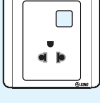
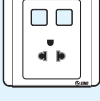
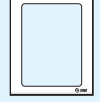
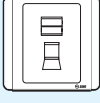
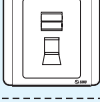
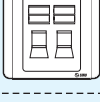
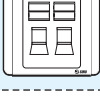
MẶT VÀ Ổ CẮM SÊ-RI S66
S66 SERIES GRID PLATE & SOCKET

	S661X 200 16.800 Mặt 1 lỗ 1 Gang Plate
	S662X 200 16.800 Mặt 2 lỗ 2 Gang Plate
	S663X 200 16.800 Mặt 3 lỗ 3 Gang Plate
	S664X 200 28.200 Mặt 4 lỗ 4 Gang Plate
	S665X 200 28.200 Mặt 5 lỗ 5 Gang Plate
	S666X 200 28.200 Mặt 6 lỗ 6 Gang Plate
	S66O 200 22.000 Mặt Che Trơn Blank Plate
	S66U 100 39.600 Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Single Socket
	S66U2 100 66.000 2 Ổ Cắm 2 Chấu 16A 16A 2 Pin Double Socket

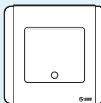
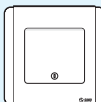
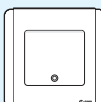
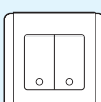
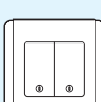
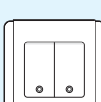
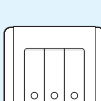
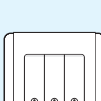
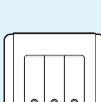
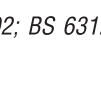
Sê-ri S68 - S66

MẶT VÀ Ổ CẮM SÊ-RI S66
S66 SERIES GRID PLATE & SOCKET

Sê-ri S66 - S66SD

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S66U/X Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 1 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/1 Gang	100	61.200
	S66U/XX Ổ Cắm Đơn 2 Chấu 16A với 2 Lỗ 16A 2 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	61.200
	S66U2/X 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 1 lỗ 16A 2 Pin Double Socket W/ 1 Gang	100	77.200
	S66U2/XX 2 ổ cắm 2 chấu 16A với 2 lỗ 16A 2 Pin Double Socket W/ 2 Gangs	100	77.200
	S66UE Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 16A 3 Pin Single Socket	100	69.600
	S66UE2 2 ổ cắm 3 chấu 16A 16A 3 Pin Double Socket	100	93.600
	S66UE/X Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 1 Lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/1 Gang	100	80.500
	S66UE/XX Ổ cắm đơn 3 chấu 16A với 2 Lỗ 16A 3 Pin Single Socket W/2 Gangs	100	92.500
	S66XL Viền đơn Electric Single Standard Surround	100	7.600
	S6631RJ Ổ cắm điện thoại 4 dây có nắp che loại đơn 1 Gang Telephone outlet with Shutter	100	59.000
	S6632RJ Ổ cắm điện thoại 4 dây có nắp che loại đôi 2 Gang Telephone outlet with Shutter	100	90.500
	S6631RJ5E Ổ cắm máy tính 8 dây có nắp che loại đơn 1 Gang Data outlet with Shutter	100	80.800
	S6632RJ5E Ổ cắm máy tính 8 dây có nắp che loại đôi 2 Gang Data outlet with Shutter	100	128.000
	S6632RJ/RJ5E 1 ổ cắm điện thoại 4 dây và 1 ổ cắm máy tính 8 dây có nắp che loại đôi 2 Gang telephone outlet and data outlet with Shutter	100	128.000

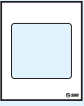
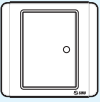
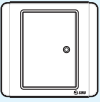
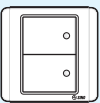
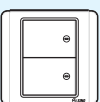
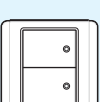
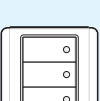
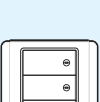
CÔNG TẮC PHÍM LỚN SÊ-RI S66SD - S66D MEGA
S66SD - S66D MEGA SERIES SWITCHES

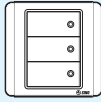
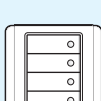
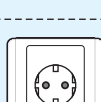
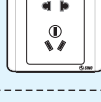
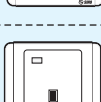
Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S66SD1A Công tắc đơn 1 chiều phím lớn 1 Gang 1 Way Switch	100	28.800
	S66SD1 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có dạ quang 1 Gang 1 Way Switch With Fluorescent	100	49.200
	S66SDN1 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 1 Gang 1 Way Switch With Led	100	59.000
	S66SDM1A Công tắc đơn 2 chiều phím lớn 1 Gang 2 Way Switch	100	32.000
	S66SDM1 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có dạ quang 1 Gang 2 Way Switch With Fluorescent	100	55.000
	S66SDMN1 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 1 Gang 2 Way Switch With Led	100	66.000
	S66SD2A Công tắc đôi 1 chiều phím lớn 2 Gang 1 Way Switch	100	43.800
	S66SD2 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có dạ quang 2 Gang 1 Way Switch With Fluorescent	100	75.000
	S66SDN2 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 2 Gang 1 Way Switch With Led	100	90.500
	S66SDM2A Công tắc đôi 2 chiều phím lớn 2 Gang 2 Way Switch	100	45.500
	S66SDM2 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có dạ quang 2 Gang 2 Way Switch With Fluorescent	100	78.200
	S66SDMN2 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 2 Gang 2 Way Switch With Led	100	93.600
	S66SD3A Công tắc ba 1 chiều phím lớn 3 Gang 1 Way Switch	100	53.200
	S66SD3 Công tắc ba 1 chiều phím lớn có dạ quang 3 Gang 1 Way Switch With Fluorescent	100	91.200
	S66SDN3 Công tắc ba 1 chiều phím lớn có đèn led xanh 3 Gang 1 Way Switch With Led	100	109.000
	S66SDM3A Công tắc ba 2 chiều phím lớn 3 Gang 2 Way Switch	100	56.800
	S66SDM3 Công tắc ba 2 chiều phím lớn có dạ quang 3 Gang 2 Way Switch With Fluorescent	100	97.600
	S66SDMN3 Công tắc ba 2 chiều phím lớn có đèn led xanh 3 Gang 2 Way Switch With Led	100	118.000

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard:

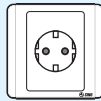
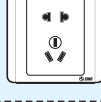
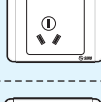
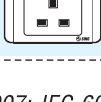
TCVN 6480-1:2008; IEC 60669-1:2007; TCVN 6188-1:2007; IEC 60884-1:2002; BS 6312-2:1997; IEC 60603-7-1:2009; ISO/IEC 11801:2002

MẶT VÀ Ổ CẮM SẪU S66SD - S66D
S66SD - S66D SERIES GRID PLATE & SOCKET

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S66SDXL Viên đơn sơn ánh bạc Electric Single	100	10.000
	S66D1A Công tắc đơn 1 chiều phím lớn 1 Gang 1 Way Switch	100	28.800
	S66D1 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có dạ quang 1 Gang 1 Way Switch with Fluorescent	100	49.200
	S66DN1 Công tắc đơn 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 1 Gang 1 Way Switch with Led	100	59.000
	S66DM1A Công tắc đơn 2 chiều phím lớn 1 Gang 2 Way Switch	100	32.000
	S66DM1 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có dạ quang 1 Gang 2 Way Switch with Fluorescent	100	55.000
	D66DMN1 Công tắc đơn 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 1 Gang 2 Way Switch with Led	100	66.000
	S66D2A Công tắc đôi 1 chiều phím lớn 2 Gang 1 Way Switch	100	43.800
	S66D2 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có dạ quang 2 Gang 1 Way Switch With Fluorescent	100	75.000
	S66DN2 Công tắc đôi 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 2 Gang 1 Way Switch With Led	100	90.500
	S66DM2A Công tắc đôi 2 chiều phím lớn 2 Gang 2 Way Switch	100	45.500
	S66DM2 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có dạ quang 2 Gang 2 Way Switch With Fluorescent	100	78.200
	S66DMN2 Công tắc đôi 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 2 Gang 2 Way Switch With Led	100	93.600
	S66D3A Công tắc ba 1 chiều phím lớn 3 Gang 1 Way Switch	100	53.200
	S66D3 Công tắc ba 1 chiều phím lớn có dạ quang 3 Gang 1 Way Switch With Fluorescent	100	91.200
	S66DN3 Công tắc ba 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 3 Gang 1 Way Switch With Led	100	109.000
	S66DM3A Công tắc ba 2 chiều phím lớn 3 Gang 2 Way Switch	100	56.800

Hình ảnh Picture	Mã số/Diễn giải Cat.No/Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	S66DM3 Công tắc ba 2 chiều phím lớn có dạ quang 3 Gang 2 Way Switch With Fluorescent	100	97.600
	S66DMN3 Công tắc ba 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 3 Gang 2 Way Switch With Led	100	118.000
	S66D4A Công tắc bốn 1 chiều phím lớn 4 Gang 1 Way Switch	100	74.200
	S66D4 Công tắc bốn 1 chiều phím lớn có dạ quang 4 Gang 1 Way Switch With Fluorescent	100	127.000
	S66DN4 Công tắc bốn 1 chiều phím lớn có đèn led trắng 4 Gang 1 Way Switch With Led	100	153.000
	S66DM4A Công tắc bốn 2 chiều phím lớn 4 Gang 2 Way Switch	100	77.500
	S66DM4 Công tắc bốn 2 chiều phím lớn có dạ quang 4 Gang 2 Way Switch With Fluorescent	100	133.000
	S66DMN4 Công tắc bốn 2 chiều phím lớn có đèn led trắng 4 Gang 2 Way Switch With Led	100	159.000
	S66DBP Nút chuông phím lớn có dạ quang Big Panel Bell Push with Fluorescent	100	60.500

MẶT VÀ Ổ CẮM SẪU S66 EURO
S66 EURO SERIES GRID PLATE & SOCKET

	S66/501 Công tắc dùng thẻ từ phím lớn 16A có thời gian chậm 16A Saving Switch with Time Delay	60	515.000
	S66/16 Ổ cắm "SCHUKO" 16A tiếp đất 16A Pin & Earth "Schuko" Socket	80	81.600
	S66U/10US Ổ cắm 2 chấu và 1 ổ 3 chấu kiểu Úc 2 Pin & 3 Pin Australia Type Socket	100	108.000
	S66/10USS Ổ cắm 2 chấu và 1 ổ 3 chấu kiểu Úc có công tắc 2 Pin & 3 Pin Australia Type Socket w/ Switch	100	119.000
	S6613N Ổ cắm 13A, 3 chấu vuông kiểu Anh có đèn báo 13A 3 Flat Pin British Flush Socket w/ Neon	100	127.000

Sê-ri S66SD - S66